

Số: 457/BC-CĐKTNTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 12 năm 2021

## **BÁO CÁO HỆ THỐNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG NĂM 2021**

### **I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**

#### **1.1. Thông tin chung về Trường Cao đẳng Kỹ thuật Nguyễn Trường Tộ**

1.1.1. Tên trường: TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT NGUYỄN TRƯỜNG TỘ.

1.1.2. Tên tiếng Anh: NGUYEN TRUONG TO TECHNICAL COLLEGE.

1.1.3. Cơ quan chủ quản: Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

1.1.4. Địa chỉ trường:

- Trụ sở chính: 02 Mai Thị Lựu, phường Đa Kao, quận 1, TPHCM.

- Cơ sở 1: 30 Nguyễn Văn Dung, phường 6, quận Gò Vấp, TPHCM.

- Cơ sở 2: Khu Đô thị Tây Bắc thành phố, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, TPHCM.

1.1.5. Số điện thoại: 028.38299317; 028.38223758

1.1.6. Số Fax: 84.028.38299317

1.1.7. Email: ntt@nguyentruongto.edu.vn

1.1.8. Website: www.nguyentruongto.edu.vn;

1.1.9. Năm thành lập trường:

- Năm thành lập đầu tiên: 1898.

- Năm thành lập Trường CĐ Nghề Nguyễn Trường Tộ: 2011.

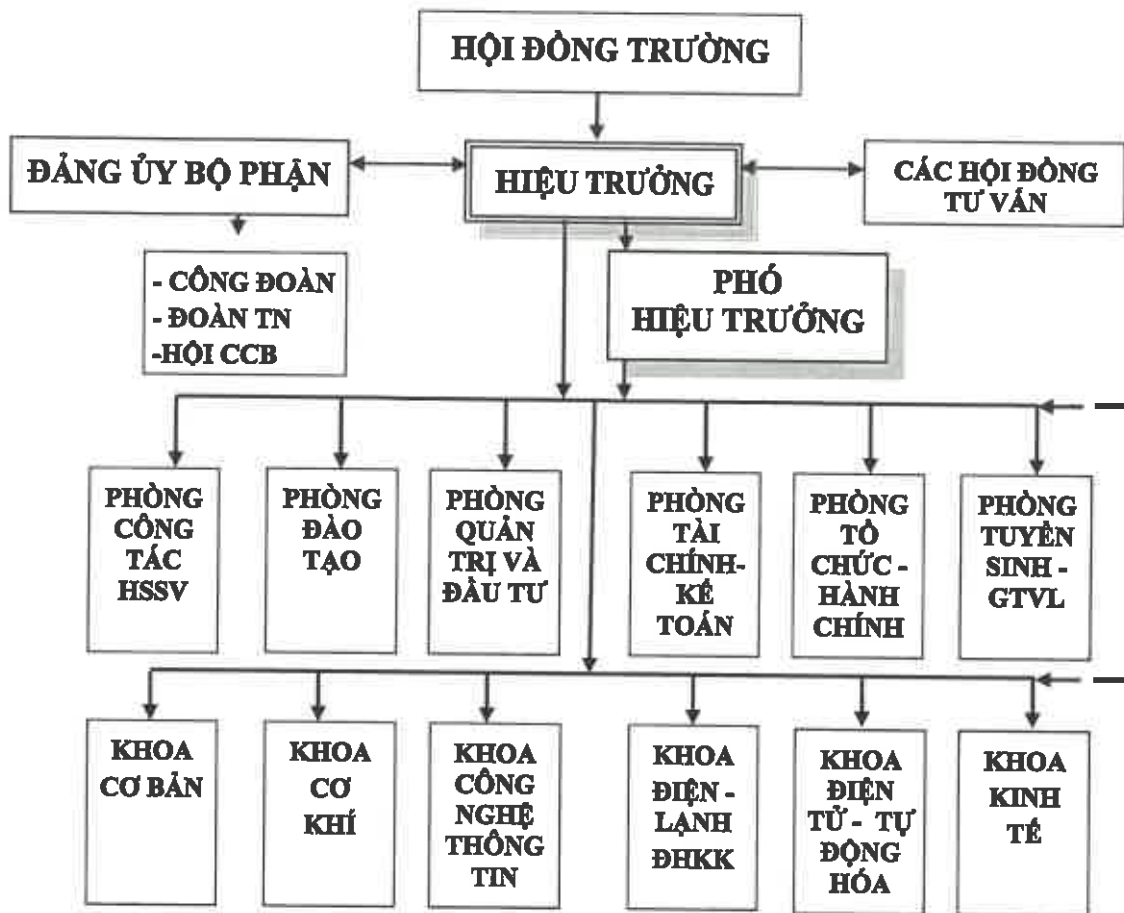
- Năm đổi tên thành Trường CĐ Kỹ thuật Nguyễn Trường Tộ: 2017.

1.1.10. Loại hình trường: Công lập

#### **1.2. Cơ cấu tổ chức và nhân sự**

##### **1.2.1. Cơ cấu tổ chức**





### 1.2.2. Nhân sự:

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
<b>1. Ban Giám hiệu</b>	Nguyễn Lê Đình Hải	1975	ThS	Hiệu Trưởng
	Trần Thanh Sơn	1975	ThS	Phó Hiệu Trưởng
<b>2. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn</b>				
Đảng Bộ bộ phận	Nguyễn Lê Đình Hải	1975	ThS	Bí Thư
Công Đoàn	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	1981	Kỹ sư	Phó Chủ tịch
Đoàn Thanh niên	Dương Quốc Hùng	1985	Kỹ sư	Bí thư
<b>3. Trưởng các phòng chức năng</b>				
Phòng CTHSSV	Lê Hải Toàn	1965	Cử nhân	Phó Trưởng phòng
Phòng Đào tạo	Trần Thanh Sơn	1975	ThS	Trưởng phòng
Phòng QT-ĐT	Lê Thanh Dũng	1962	ThS	Trưởng phòng
Phòng TC-HC	Nguyễn Văn Thái	1973	Kỹ sư	Phó Trưởng phòng

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
Phòng TCKT	Trần Thị Minh Hạnh	1985	Cử nhân	Phụ trách kế toán
Phòng TS&GTVL	Lê Châu Lâm	1964	Cử nhân	Trưởng phòng
<b>4. Trưởng các khoa chuyên môn</b>				
Khoa Cơ bản	Lê Thị Na	1969	ThS	Trưởng khoa
Khoa Cơ khí	Huỳnh Văn Dinh	1964	ThS	Trưởng khoa
Khoa CNTT	Phan Tấn Long	1988	ThS	Phó trưởng khoa
Khoa ĐLĐHKK	Đoàn Thanh Long	1965	Kỹ sư	Trưởng khoa
Khoa ĐT-TĐH	Nguyễn Phú Trọng Hoan	1973	Kỹ sư	Trưởng khoa
Khoa Kinh tế	Lê Thị Kim Huệ	1969	ThS	Phó trưởng khoa

### 1.2.3. Số lượng công chức, viên chức

Tổng số VC của Trường: 72 người, trong đó:

- Nam: 44, Nữ: 28.

### 1.2.4. Đội ngũ giảng viên

Tổng số giảng viên giảng dạy tại Trường: 43 người, trong đó:

- Nam: 29, Nữ: 14;

- Cơ hữu: 33, Thỉnh giảng: 06, CBQL tham gia giảng dạy: 04.

<i>Thông kê giảng viên cơ hữu năm học 2021-2022</i>			
Trình độ học vấn	Nam	Nữ	Tổng số
Tiến sĩ	0	0	0
Thạc sĩ	14	5	19
Đại học	11	7	18
Cao đẳng	0	0	0
Trung cấp	0	0	0
Công nhân bậc 5/7 trở lên	0	0	0
<b>Tổng số</b>	<b>25</b>	<b>12</b>	<b>37</b>

### 1.3. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

1.3.1. Các nghề đào tạo và quy mô tuyển sinh của trường theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp:

TT	Tên nghề đào tạo	Mã nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
1	Quản trị mạng máy tính	6480209	20	CD
		5480209	20	TC

2	Thiết kế trang web	6480214	20	CĐ
		6480214	20	TC
3	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	6480102	20	CĐ
		5480102	30	TC
4	Điện tử công nghiệp	6520225	90	CĐ
		5520225	20	TC
5	Điện công nghiệp	6520227	30	CĐ
		5520227	30	TC
6	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6520205	30	CĐ
		5520205	30	TC
7	Kế toán doanh nghiệp	6340302	30	CĐ
		5340302	30	TC
8	Logistics	6340113	35	CĐ
		6340113	30	TC
9	Kế toán xây dựng	5340309	30	TC
10	Hướng dẫn du lịch	6810103	25	CĐ
		5810103	25	TC
11	Quản trị nhà hàng	6810206	25	CĐ
12	Nghiệp vụ nhà hàng	5810206	25	TC
13	Công nghệ ô tô	6510216	25	CĐ
		5510216	25	TC
14	Cắt gọt kim loại	6520121	50	CĐ
		5520121	30	TC
15	Hàn	5520123	30	TC

### 1.3.2. Quy mô đào tạo năm 2021:

<i>TT</i>	<i>Tên nghề đào tạo</i>	<i>Mã nghề</i>	<i>Quy mô đào tạo</i>	<i>Trình độ đào tạo</i>
1	Quản trị mạng máy tính	6480209	0	CĐ
		5480209	36	TC
2	Thiết kế trang web	6480214	12	CĐ
		6480214	103	TC
3	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	6480102	0	CĐ
		5480102	19	TC
4	Điện tử công nghiệp	6520225	0	CĐ
		5520225	32	TC
5	Điện công nghiệp	6520227	0	CĐ
		5520227	64	TC
6	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6520205	8	CĐ
		5520205	20	TC
7	Kế toán doanh nghiệp	6340302	7	CĐ
		5340302	104	TC
8	Logistics	6340113	10	CĐ
		6340113	8	TC
9	Kế toán xây dựng	5340309	0	TC
10	Hướng dẫn du lịch	6810103	0	CĐ
		5810103	12	TC

11	Quản trị nhà hàng	6810206	0	CĐ
12	Nghiệp vụ nhà hàng	5810206	124	TC
13	Cắt gọt kim loại	6520121	28	CĐ
		5520121	24	TC
14	Công nghệ ô tô	6510216	37	CĐ
		5510216	48	TC
15	Hàn	5520123	0	TC
		<b>Tổng</b>	<b>696</b>	

#### 1.4. Đơn vị phụ trách về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng

- Tên đơn vị: Phòng Đào tạo.
- Số lượng cán bộ: 06
- Điện thoại: 028 38223758

## II. BÁO CÁO XÂY DỰNG, VẬN HÀNH, ĐÁNH GIÁ VÀ CẢI TIẾN HỆ THỐNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

### 2.1. Tổng quan về hệ thống bảo đảm chất lượng đang vận hành

#### 2.1.1. Đặt vấn đề

Chất lượng trong giáo dục nghề nghiệp được xem là một khái niệm đa chiều, bao gồm tất cả các chức năng và các hoạt động như giảng dạy và chương trình đào tạo, nghiên cứu và học bổng, nhân sự, HSSV, cơ sở vật chất, thiết bị, các dịch vụ đối với các bên liên quan. Tự đánh giá nội bộ và đánh giá ngoài, được thực hiện bởi các chuyên gia độc lập là rất cần thiết để nâng cao chất lượng.

Để xây dựng, triển khai, duy trì và cải tiến các cấp độ chất lượng trong giáo dục nghề nghiệp ở một trường cao đẳng cần thiết lập một hệ thống đảm bảo chất lượng, có quy trình quản lý và đánh giá một cách có hệ thống nhằm giám sát việc thực hiện các hoạt động của trường.

#### 2.1.2. Thông tin về xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

##### a) Căn cứ xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

- Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về ban hành quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

##### b) Mục đích xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

- Xây dựng hệ thống các chính sách, quy trình, công cụ đối với tất cả lĩnh vực, nội dung quản lý của Nhà trường nhằm duy trì, cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp và đạt được mục tiêu đề ra.

##### c) Nguyên tắc, yêu cầu xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

- Hệ thống đảm bảo chất lượng đảm bảo phù hợp mục tiêu đào tạo, thể hiện được tầm nhìn, sứ mạng và chiến lược phát triển của nhà trường.

- Thực hiện đúng theo quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về công tác xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng.

- Quán triệt, hướng dẫn cho toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhận thức đúng về hệ thống đảm bảo chất lượng, đảm bảo hệ thống được xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến theo đúng với quy định của cấp trên và thực tiễn của nhà trường.

- Quy trình xây dựng đảm bảo: Tính thiết thực, tính hiệu quả, dễ hiểu, dễ áp dụng, dễ kiểm tra, đánh giá và phù hợp với yêu cầu thực tế trong cải tiến công tác quản lý nâng cao chất lượng hoạt động của các bộ phận và của nhà trường.

- Khi xây dựng quy trình phải lấy ý kiến đóng góp của các cán bộ, giáo viên trong của các bộ phận và trong toàn trường.

#### **d) Cách thức xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng**

- Xây dựng kế hoạch, phân công cho các bộ phận thực hiện việc tổ chức xây dựng, lấy ý kiến các bộ phận liên quan và vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng liên quan đến chức năng nhiệm vụ của bộ phận.

#### **2.1.3. Chính sách chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp**

1. Tuyển sinh đạt chỉ tiêu đã đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

2. Định kỳ rà soát, cập nhật chương trình đào tạo, chương trình môn học, mô-đun các ngành nghề đào tạo, giáo trình, phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu xã hội.

3. Tổ chức thực hiện phương thức đào tạo kết hợp giữa nhà trường và doanh nghiệp.

4. Nâng cao tỷ lệ học sinh – sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ học sinh – sinh viên (HS-SV) ra trường có việc làm đúng với ngành nghề đào tạo.

5. Hoàn thành kế hoạch tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp và chương trình đào tạo hằng năm.

6. Xây dựng, cải tiến và vận hành đầy đủ các quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng.

7. Thực hiện phối hợp chặt chẽ với các đơn vị chức năng trong và ngoài nhà trường để tổ chức quản lý HS-SV; tăng cường tổ chức các hoạt động giáo dục truyền thống, văn nghệ, thể dục thể thao để thu hút HS-SV; nâng cao hiệu quả hoạt động rèn luyện đạo đức cho HS-SV.

8. Chuẩn hóa đội ngũ giảng viên theo quy định của Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 10/3/2017 và Thông tư 21/2020/ TT-BLĐTĐBXH ngày 30/12/2020 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

9. Định kỳ hàng năm bảo trì, bảo dưỡng các trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ dạy học và nghiên cứu khoa học.

10. Xây dựng đề án xây dựng mới cơ sở 2 và đầu tư trang thiết bị, nâng cấp cơ sở vật chất đáp ứng quy mô, chất lượng đào tạo.

11. Tổ chức thực hiện công tác cải cách hành chính, công tác thi đua, khen thưởng. Khen thưởng các bộ phận, cá nhân đạt thành tích tốt trong các hoạt động hằng năm.

12. Đẩy mạnh phong trào thực hiện nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm trong toàn trường.

#### **2.1.4. Mục tiêu chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp**

1. Tuyển sinh đạt chỉ tiêu đăng ký từ 80% trở lên.

2. Tổ chức đánh giá chương trình đào tạo các ngành, nghề đang đào tạo theo định kỳ 03 năm.

3. Tổ chức thực hiện phương thức đào tạo kết hợp giữa nhà trường và doanh nghiệp, mỗi Khoa chuyên môn có 01 môn học hoặc 01 mô đun thực hiện đào tạo tại doanh nghiệp.

4. Học sinh, sinh viên có rèn luyện đạo đức từ trung bình trở lên đạt trên 80%. HS-SV có học lực từ trung bình trở lên đạt trên 80%. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp so với số lượng học sinh, sinh viên (HS-SV) đủ điều kiện dự thi đạt từ 90% trở lên và giới thiệu việc làm cho 100% học sinh – sinh viên tốt nghiệp.

5. Tự đánh giá đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp và 03 chương trình đào tạo ngành, nghề trọng điểm trình độ cao đẳng.

6. Đánh giá, cải tiến và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định. Triển khai vận hành 100% các quy trình bảo đảm chất lượng đã xây dựng.

7. Xây dựng hệ thống ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, đề thi thực hành cho ít nhất 20% môn học, mô đun của ngành, nghề.

8. 100% HS-SV thuộc diện chế độ chính sách được hướng dẫn và hoàn thành hồ sơ thủ tục theo quy định.

9. 50% giảng viên đạt kỹ năng nghề theo quy định.

10. Định kỳ 01 lần tu sửa, bảo trì, bảo dưỡng các trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ dạy học.

11. 100% viên chức, người lao động hoàn thành nhiệm vụ năm học và đạt lao động tiên tiến trở lên.

12. Mỗi khoa chuyên môn thực hiện 01 đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường hoặc mô hình trợ huấn cụ phục vụ dạy học.

#### **2.1.5. Danh mục các lĩnh vực quản lý chất lượng thực hiện được xây dựng và vận hành**

- Quản lý Chương trình, giáo trình
- Quản lý học sinh, sinh viên
- Quản lý nhân sự
- Quản lý hoạt động đào tạo

- Quản lý tài chính
- Quản lý cơ sở vật chất
- Quản lý NCKH

<b>T T</b>	<b>Tên quy trình</b>	<b>Mã hóa quy trình</b>	<b>Bộ phận thực hiện</b>
1	Quy trình Tuyển dụng viên chức	QT01/TCHC	Phòng Tổ chức – Hành chính
2	Quy trình Quy hoạch viên chức	QT02/TCHC	Phòng Tổ chức – Hành chính
3	Quy trình Đào tạo, bồi dưỡng viên chức	QT03/TCHC	Phòng Tổ chức – Hành chính
4	Quy trình Đánh giá, phân loại viên chức	QT04/TCHC	Phòng Tổ chức – Hành chính
5	Quy trình Xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo	QT05/ĐT	Phòng Đào tạo
6	Quy trình Cập nhật chương trình đào tạo	QT06/ĐT	Phòng Đào tạo
7	Quy trình Biên soạn, lựa chọn giáo trình đào tạo	QT07/ĐT	Phòng Đào tạo
8	Quy trình Tổ chức thi kết thúc môn học	QT08/ĐT	Phòng Đào tạo
9	Quy trình Tổ chức thi tốt nghiệp	QT09/ĐT	Phòng Đào tạo
10	Quy trình Đánh giá kết quả học tập	QT10/ĐT	Phòng Đào tạo
11	Quy trình Cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học	QT11/ĐT	Phòng Đào tạo
12	Quy trình Thực hiện sổ lên lớp	QT12/ĐT	Phòng Đào tạo
13	Quy trình Tổ chức hoạt động của thư viện	QT13/ĐT	Phòng Đào tạo
14	Quy trình Tuyển sinh	QT14/TSGTVL	Phòng Tuyển sinh và GTVL
15	Quy trình Theo dõi lẫn vết học sinh – sinh viên tốt nghiệp	QT15/TSGTVL	Phòng Tuyển sinh và GTVL
16	Quy trình Khảo sát doanh nghiệp	QT16/TSGTVL	Phòng Tuyển sinh và GTVL
17	Quy trình Thực tập tốt nghiệp	QT17/TSGTVL	Phòng Tuyển sinh và GTVL
18	Quy trình Đánh giá rèn luyện học sinh – sinh viên	QT18/CTHSSV	Phòng Công tác học sinh – sinh viên
19	Quy trình Xét khen thưởng học sinh – sinh viên	QT19/CTHSSV	Phòng Công tác học sinh – sinh viên
20	Quy trình Kỷ luật học sinh – sinh viên	QT20/CTHSSV	Phòng Công tác học sinh – sinh viên
21	Quy trình Quản lý, sử dụng, bảo trì, sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị máy móc	QT21/QTĐT	Phòng Quản trị và Đầu tư
22	Quy trình Mua vật tư	QT22/QTĐT	Phòng Quản trị và Đầu tư



T	Tên quy trình	Mã hóa quy trình	Bộ phận thực hiện
			Đầu tư
23	Quy trình Cấp phát vật tư	QT23/QTĐT	Phòng Quản trị và Đầu tư
24	Quy trình Quản lý xưởng thực hành/phòng học chuyên môn	QT24/KCM	Khoa chuyên môn

### 2.1.6. Hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng

- Nhà trường được trang bị hệ thống máy tính đầy đủ tại tất cả các bộ phận, hệ thống mạng LAN liên kết các bộ phận trong trường để chia sẻ tài nguyên với nhau và mạng Internet thuận lợi cho việc gửi/ nhận thông tin một cách nhanh chóng, kịp thời.

- Các phần mềm quản lý: Quản lý đào tạo, Công tác Công tác học sinh sinh viên

## 2.2. Đánh giá, cải tiến

### 2.2.1. Đánh giá:

- Tổng số đợt đánh giá: 01

- Tổng số bộ phận thuộc trường thực hiện tự đánh giá: 10

### 2.2.2. Cải tiến

- Nội dung của từng lĩnh vực quản lý chất lượng được chỉnh sửa, bổ sung cải tiến:

Nội dung thống kê	Số lượng	Ghi chú
Tổng số nội dung đang vận hành	07	
Số lượng nội dung thực hiện chỉnh sửa	00	
Số lượng nội dung được bổ sung	00	
Số lượng nội dung loại bỏ	00	

- Các quy trình, công cụ bảo đảm chất, lượng được cải tiến

Nội dung thống kê	Số lượng	Ghi chú
Tổng số quy trình, công cụ đang vận hành	24	
Số lượng quy trình, công cụ thực hiện chỉnh sửa	04	
Số lượng quy trình, công cụ được bổ sung	00	
Số lượng quy trình, công cụ loại bỏ	00	

## III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

### 3.1. Ưu điểm:

- Thực hiện đúng theo quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về công tác xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng.

- Có được sự quan tâm chỉ đạo của Ban giám hiệu nhà Trường đơn đốc thực hiện xây dựng và vận hành hệ thống.

- Hệ thống BĐCL của nhà trường triển khai áp dụng thực hiện, tạo được phong cách làm việc chuyên nghiệp, năng lực của viên chức trong nhà trường ngày càng nâng cao, hiệu quả công việc của các bộ phận luôn tốt hơn.

- Giúp nhà trường tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của mình, lập và triển khai các kế hoạch hành động cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo, từ đó điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo theo hướng cao hơn.

### 3.2. Tồn tại, hạn chế:

- Công tác xây dựng bộ công cụ còn chậm, các biểu mẫu còn thiếu nhiều, một số lĩnh vực hoạt động chưa được quy trình hóa.

- Trong quá trình tổ chức vận hành còn một số lĩnh vực chưa thực hiện đúng quy trình.

- Hoạt động BĐCL là một quá trình thực hiện lâu dài, đòi hỏi phải có sự tham gia, đồng lòng của toàn thể viên chức, học sinh, sinh viên. Tuy nhiên, vẫn còn một số viên chức chưa nhận thức đầy đủ về vai trò, tác dụng và tầm quan trọng của công tác BĐCL nên còn khó khăn khi triển khai thực hiện.

- Việc sử dụng thông tin thu thập chưa được chú ý quan tâm và có trách nhiệm tại nhiều bộ phận.

### 3.3. Nguyên nhân:

- Công tác chuyên môn nhiều, một số đơn vị được phân công xây dựng quy trình chưa thông suốt cách thức xây dựng quy trình.

- Nguồn kinh phí hoạt động hạn hẹp, cơ sở hạ tầng thông tin chưa được nâng cấp.

- Chưa có bộ phận chuyên trách Bảo đảm chất lượng còn ghép chung với phòng đào tạo nên khi thực hiện còn chậm so với tiến độ.

### 3.4. Đề xuất: Không./.

#### Nơi nhận:

- Tổng cục GDNN (để báo cáo);
- Sở LĐTĐ&XH Tp. HCM (để báo cáo);
- Sở Công Thương Tp. HCM (để báo cáo);
- Các bộ phận;
- Lưu: VT, P.ĐT.



**Nguyễn Lê Đình Hải**